

**Phụ lục số XIII****Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh  
của Người hành nghề chức danh hộ sinh**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| <b>TT</b> | <b>Số TT<br/>theo<br/>Thông tư<br/>43/2013/T<br/>T-BYT và<br/>Thông tư<br/>21/2017/T<br/>T-BYT</b> | <b>Danh mục kỹ thuật</b>  | <b>Bác sỹ<br/>chỉ<br/>định và<br/>hộ sinh<br/>thực<br/>hiện<br/>độc lập</b> | <b>Hộ sinh<br/>ra chỉ<br/>định và<br/>thực<br/>hiện<br/>độc lập</b> |
|-----------|--|---|---|---|
| <b>I</b>  |  | <b>TRƯỚC SINH</b>   |   |   |
| 1.        | 13.41  | Khám thai   | x   | x   |
| 2.        | 13.23  | Kỹ thuật theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa * | x   | x   |
| 3.        | 13.53  | Kỹ thuật cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung đường âm đạo *                      | x   |   |
| 4.        |  | Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm                         | x   | x   |
| 5.        |  | Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý                                       | x   | x   |
| 6.        |  | Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa                    |   | x   |
| 7.        | 13.29  | Soi ối  | x   |   |
| 8.        |  | Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa                          | x   | x   |
| 9.        |  | Hướng dẫn lăn bóng xoa dịu cơn đau chuyển dạ                              |   | x   |
| 10.       |  | Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống cho phụ nữ mang thai              | x   |   |
|           |  | <b>TRONG SINH</b>   |   |   |
| 11.       |  | Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ                    | x   | x   |
| 12.       |  | Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ                                   |   | x   |
| 13.       |  | Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ                               | x   |   |

|     |       |   |   |   |
|-----|-------|---|---|---|
| 14. |       | Theo dõi gây chuyễn dạ bằng thuốc   | x |   |
| 15. |       | Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyễn dạ                        |   | x |
| 16. |       | Xử trí sa dây rau   | x | x |
| 17. |       | Kỹ thuật tách màng ối   | x |   |
| 18. | 13.39 | Kỹ thuật bấm ối   | x | x |
| 19. | 13.21 | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm   | x |   |
| 20. | 13.33 | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm  |   | x |
| 21. | 13.24 | Đỡ đẻ ngôi mông *   | x |   |
| 22. |       | Đỡ đẻ ngôi mặt *  | x |   |
| 23. |       | Đỡ đẻ thường trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng; HIV-AIDS ...) | x |   |
| 24. |       | Đỡ đẻ rơi   |   | x |
| 25. | 13.35 | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyễn dạ                                      | x | x |
| 26. |       | Xử trí ban đầu những trường hợp bất thường trong đẻ                             | x | x |
| 27. | 13.36 | Thực hiện nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau                       | x | x |
| 28. | 13.37 | Kiểm soát tử cung *   | x | x |
| 29. | 13.38 | Bóc rau nhân tạo *  | x |   |
| 30. | 13.34 | Cắt và khâu tầng sinh môn   |   | x |
| 31. |       | Đón bé sau mổ   |   | x |
| 32. |       | Theo dõi sản phụ đặt bóng gây chuyễn dạ - bóng kéo                              | x |   |
| 33. |       | Theo dõi sản phụ đặt bóng gây chuyễn dạ - bóng Cook                             | x |   |
| 34. |       | Theo dõi sản phụ gây chuyễn dạ bằng thuốc Propess                               | x |   |
|     |       | <b>SAU SINH</b>   |   |   |
| 35. |       | Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)  |   | x |
| 36. |       | Chèn gạc âm đạo cầm máu   | x | x |
| 37. |       | Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo                                 | x | x |
| 38. | 13.30 | Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2,                               | x | x |

|     |        |   |   |   |
|-----|--------|---|---|---|
| 39. |        | Khâu phục hồi rách âm hộ  | x | x |
| 40. | 13.30  | Xử trí vết rách cổ tử cung đơn thuần *  | x | x |
| 41. | 13.31  | Cặp, kéo cổ tử cung cầm máu sau đẻ; sau sảy; sau nạo                                  | x |   |
| 42. | 13.14  | Lấy khối máu tụ âm đạo; tầng sinh môn với kích thước < 2x3 cm                         |   | x |
| 43. |        | Theo dõi đặt bóng chèn lòng tử cung để cầm máu  | x |   |
| 44. |        | Lấy bệnh phẩm để sinh thiết rau thai sau sỏ rau                                       | x |   |
| 45. |        | Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật truyền nhiễm                           |   | x |
| 46. |        | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ  |   | x |
| 47. |        | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ tuần đầu sau đẻ  |   | x |
| 48. |        | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ 6 tuần đầu sau đẻ  |   | x |
| 49. |        | Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh   |   | x |
| 50. |        | Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút   | x |   |
| 51. |        | Điều trị tắc tia sữa bằng hồng ngoại  | x |   |
| 52. |        | Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn   | x |   |
| 53. |        | Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ                                      |   | x |
| 54. | 13.167 | Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ  |   | x |
| 55. | 13.167 | Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ  |   | x |
| 56. | 13.40  | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn  |   | x |
| 57. | 13,54  | Chích áp xe tầng sinh môn   | x |   |
| 58. |        | Ép tử cung bằng tay (2 tay ngoài, 1 tay ngoài 1 tay trong âm đạo) để cầm máu sau sinh | x | x |
| 59. | 13.48  | Nong cổ tử cung do bế sản dịch  | x |   |
| 60. |        | Hút buồng tử cung bằng bơm hút chân không để điều trị chảy máu muộn thời kỳ sau đẻ *  | x | x |
|     |        | <b>PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH</b>                                     |   |   |
| 61. | 13.165 | Khám phụ khoa   | x | x |

|     |        |  |   |   |
|-----|--------|--|---|---|
| 62. |        | Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa                                      | x | x |
| 63. |        | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa            |   | x |
| 64. |        | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa              |   | x |
| 65. |        | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa          |   | x |
| 66. |        | Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa           |   | x |
| 67. |        | Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý             |   | x |
| 68. |        | Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý               |   | x |
| 69. |        | Chăm sóc, theo dõi người bệnh rò bàng quang – âm đạo                 |   | x |
| 70. |        | Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý                                  |   | x |
| 71. |        | Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung                     |   | x |
| 72. |        | Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau nạo thai trứng                     |   | x |
| 73. |        | Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau mổ cắt vú                          |   | x |
| 74. |        | Hướng dẫn , tư vấn về dinh dưỡng phù hợp cho người bệnh sản phụ khoa |   | x |
| 75. |        | Khám vú cho phụ nữ   | x |   |
| 76. |        | Thực hiện test acid acetic, lugol                                    | x |   |
| 77. |        | Chiếu tia hồng ngoại điều trị viêm dính tiểu khung                   | x |   |
| 78. |        | Thực hiện Sóng ngắn điều trị viêm dính tiểu khung                    | x |   |
| 79. | 13.148 | Lấy dị vật âm đạo  | x | x |
| 80. | 13.151 | Chích áp xe tuyến Bartholin  | x |   |
| 81. |        | Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục                                  |   | x |
| 82. |        | Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo                         | x |   |
| 83. |        | Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung            | x | x |

|      |        |   |   |   |
|------|--------|---|---|---|
| 84.  |        | Lấy bệnh phẩm âm đạo, cổ tử cung để xét nghiệm HPV  | x | x |
| 85.  |        | Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo | x | x |
| 86.  |        | Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung   | x |   |
| 87.  | 13.241 | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không   | x | x |
| 88.  |        | Cây hoặc tháo thuốc tránh thai (một nang; nhiều nang) (theo chỉ định)   | x |   |
| 89.  |        | Đặt dụng cụ tử cung   |   | x |
| 90.  |        | Tháo dụng cụ tử cung  |   | x |
| 91.  |        | Theo dõi, chăm sóc người bệnh phá thai nội khoa   |   | x |
| 92.  |        | Kỹ thuật xử lý thoát mạch hóa chất/bệnh nhân ung thư  |   | x |
| 93.  |        | Chăm sóc và theo dõi người bệnh hỗ trợ sinh sản   | x | x |
| 94.  |        | Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau các thủ thuật hỗ trợ sinh sản   | x | x |
| 95.  |        | Chăm sóc người bệnh quá kích buồng trứng  | x | x |
| 96.  |        | Tách, lột bao quy đầu   | x |   |
|      |        | <b>SƠ SINH</b>  |   |   |
| 97.  | 13.189 | Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh  | x |   |
| 98.  | 13.196 | Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh   |   | x |
| 99.  | 13.196 | Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ                                | x |   |
| 100. | 13.197 | Chăm sóc rốn sơ sinh  |   | x |
| 101. |        | Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn  |   | x |
| 102. |        | Lấy máu gót chân sơ sinh  | x | x |
| 103. |        | Xóa bóp thư giãn cho trẻ sơ sinh  |   | x |
| 104. | 13.198 | Tắm trẻ sơ sinh   |   | x |
| 105. |        | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ  |   | x |
| 106. |        | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu   |   | x |

|      |        |  |   |   |
|------|--------|--|---|---|
|      |        | sau đẻ   |   |   |
| 107. |        | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ                               |   | x |
| 108. |        | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh 6 đầu sau đẻ                                  |   | x |
| 109. | 13.192 | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh                        | x |   |
| 110. |        | Cho trẻ ăn qua sonde dạ dày  | x |   |
| 111. |        | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp                                   |   | x |
| 112. | 13.199 | Đặt sonde hậu môn trẻ sơ sinh  | x |   |
| 113. | 13.201 | Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh  | x | x |
| 114. |        | Cấp cứu sặc sữa  | x | x |
| 115. |        | Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh                                    | x | x |
| 116. |        | Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh                                     | x | x |
| 117. |        | Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh                                    | x | x |
| 118. |        | Xử trí chảy máu rốn  | x | x |
| 119. |        | Chăm sóc theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ có bệnh truyền nhiễm                       |   | x |
| 120. |        | Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ bệnh lý                                   |   | x |
| 121. | 13.202 | Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh   | x | x |
| 122. |        | Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da                           | x | x |
| 123. |        | Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh bằng phương pháp Căng gu ru                     |   | x |
| 124. |        | Lấy máu cuống rốn sơ sinh, tĩnh mạch rốn                                       | x |   |
| 125. |        | Kỹ thuật theo dõi chức năng não liên tục ở trẻ sơ sinh                         | x |   |
| 126. |        | Kỹ thuật theo dõi PCO <sub>2</sub> và PO <sub>2</sub> máu qua da ở trẻ sơ sinh |   | x |
| 127. | 13.190 | Truyền máu sơ sinh   | x |   |
| 128. |        | Truyền máu cho thai nhi qua dây rốn  | x |   |
| 129. |        | Chăm sóc trẻ sơ sinh thở khí NO  | x | x |
| 130. |        | Chăm sóc trẻ sơ sinh hạ thân nhiệt chỉ huy                                     |   | x |
| 131. |        | Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm                                      | x |   |

|      |  |  |   |  |
|------|--|--|---|--|
|      |  | chủng                                  |   |  |
| 132. |  | Đặt catheter động mạch rốn trẻ sơ sinh | x |  |
| 133. |  | Đặt catheter tĩnh mạch rốn trẻ sơ sinh | x |  |

- Người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh được phép thực hiện các kỹ thuật không đánh dấu "\*" thuộc mục I. Chương chung và các kỹ thuật đánh dấu "+" của Phụ lục XII - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của người hành nghề là điều dưỡng ban hành kèm theo Thông tư này.

- Các kỹ thuật đánh dấu "\*": chỉ người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh trình độ đại học mới được thực hiện.

- Người hành nghề có văn bằng chuyên môn trình độ đại học là Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản, Điều dưỡng chuyên ngành hộ sinh, Điều dưỡng chuyên ngành sản phụ khoa được đào tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì được thực hiện các kỹ thuật chuyên môn của người hành nghề là hộ sinh trình độ đại học.